

SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC NỮ QUYỀN PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ - XÃ HỘI

Nguyễn Việt Phương

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: phuongdhkh@gmail.com

TÓM TẮT

Dưới tác động của những chuyển biến to lớn của điều kiện kinh tế - xã hội và chính trị phương Tây nửa sau thế kỷ XX, chủ nghĩa nữ quyền với tính cách là một khuynh hướng lý thuyết đã có những bước phát triển mạnh mẽ và không ngừng khuếch trương tầm ảnh hưởng của nó trong lĩnh vực triết học. Thế nhưng, ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu về tư tưởng triết học nữ quyền phương Tây hiện đại vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu. Trong bối cảnh ấy, bài viết đã tập trung phân tích những cơ sở lịch sử xã hội đưa đến sự hình thành của tư tưởng triết học nữ quyền hiện đại ở phương Tây. Chúng tôi xem đó là một tiếp cận ban đầu trong quá trình tìm hiểu về khuynh hướng lý thuyết đang rất thịnh hành trong đời sống tư tưởng ở phương Tây ngày nay.

Từ khóa: Chủ nghĩa nữ quyền, giới, triết học.

Trong đời sống học thuật ở phương Tây ngày nay, “chủ nghĩa nữ quyền” (feminism) đang trở thành một khuynh hướng phát triển sôi động. Nếu như trong các thế kỷ trước, thuật ngữ chủ nghĩa nữ quyền thường dùng để nói đến phong trào đấu tranh chính trị ở phương Tây dựa trên những tư tưởng có tính tự phát thể hiện tinh thần bình đẳng về quyền chính trị căn bản của nữ giới, thì kể từ thập niên 70 thế kỷ XX, lý thuyết nữ quyền bắt đầu thâm nhập vào lĩnh vực triết học và nhanh chóng phát triển thành một khuynh hướng nghiên cứu năng động. Không phải ngẫu nhiên khi trong các tài liệu triết học ở phương Tây những thập niên gần đây, người ta bắt đầu thừa nhận sự hiện diện và ảnh hưởng của thuyết nữ quyền ở nhiều mức độ khác nhau. Các mục từ liên quan đến “nữ quyền” cũng thường xuyên xuất hiện trong các Bách khoa thư triết học (Encyclopedia of Philosophy) và Từ điển triết học (Dictionary of Philosophy). Các bài nghiên cứu về nữ quyền và giới cũng được công bố khá đều đặn và phong phú trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín về triết học và các khoa học xã hội nhân văn, trong đó có một số tạp chí nghiên cứu chuyên đề về triết học nữ quyền (*). Điều ấy phần nào khẳng định chủ nghĩa nữ quyền “về mặt triết học đã có ảnh hưởng sâu sắc toàn bộ hệ thống tri thức và thiết chế văn hoá loài người” [5]; thậm chí “với những công trình nghiên cứu có giá trị thì triết học nữ quyền đã đạt được những thành công đáng kinh ngạc trong việc đạt đến địa vị chính thống trong nghiên

* Ở Hoa Kỳ trong những thập niên gần đây đã xuất hiện một số tạp chí chuyên đề có uy tín về triết học nữ quyền như *Hypatia*, *Feminist Studies*...

cứ triết học hàn lâm” [4, tr.197]. Song, phải thừa nhận rằng, tư tưởng triết học nữ quyền cho đến nay vẫn chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Do đó, trong bài viết này, xuất phát từ góc độ lịch sử - xã hội, chúng tôi đã tập trung phân tích những sự chuyển biến của lịch sử xã hội đưa đến sự hình thành tư tưởng triết học nữ quyền ở phương Tây với mong muốn cung cấp một tiếp cận ban đầu về khuynh hướng lý thuyết còn khá non trẻ này.

Với tính cách là một hình thái của ý thức xã hội, là sản phẩm tinh túy nhất của thời đại, nên xét đến cùng bất cứ một học thuyết triết học nào cũng chịu sự quy định của tồn tại xã hội tương ứng với nó. Điều này đã được K. Marx khẳng định rõ: phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ.

Từ cách tiếp cận duy vật lịch sử, có thể khẳng định sự hình thành tư tưởng triết học nữ quyền phương Tây hiện đại nói chung không phải là hiện tượng ngẫu nhiên thuần túy nảy sinh từ ý chí chủ quan của một giới/phái nào đó, mà là một tất yếu lịch sử gắn liền với sự vận động của nền văn minh phương Tây.

Trong nhãn quan của những người ủng hộ chủ nghĩa nữ quyền, lịch sử văn minh phương Tây là lịch sử thống trị của chế độ phụ quyền (patriarchy). Họ biện giải rằng, chế độ phụ quyền ra đời gắn liền với một bước chuyển vĩ đại diễn ra trong thời kỳ nguyên thủy khởi phát từ một chế độ xã hội cổ xưa hơn: chế độ mẫu quyền (matriarchy). Việc xem xét chế độ phụ quyền với tính cách là cội nguồn lịch sử của “mô hình lấy nam giới làm trung tâm” trong tư tưởng phương Tây, do đó, không thể tách rời khỏi “bước chuyển hóa quyền lực” từ “Người Mẹ” sang “Người Cha” trong lịch sử.

Mặc dù vẫn còn tranh luận, tuy nhiên các tư liệu nghiên cứu về thời nguyên thủy đã cho thấy rằng, vào buổi bình minh của lịch sử loài người đã từng tồn tại một loại hình cộng đồng dựa trên *chế độ mẫu quyền* (matriarchy) mà ở đó người phụ nữ - mẹ nắm quyền chi phối mọi hoạt động của cộng đồng, được tôn vinh là “bà chủ thật sự [lady, frowa, Frau = bà chủ]” [6, tr.83]. Sở dĩ phụ nữ có được địa vị cao trong thời kỳ này là do xuất phát từ vấn đề huyết thống. Friedrich Engels viết: “Kinh tế gia đình cộng sản – trong đó, phần đông phụ nữ, nếu không phải là tất cả phụ nữ, đều cùng thuộc một thị tộc duy nhất, còn đàn ông thì thuộc nhiều thị tộc khác nhau” [6, tr.83]. Nói cách khác, trong thời kỳ này, đàn ông sống ở những gia đình thuộc thị tộc nữ, quan hệ thân thuộc theo dòng mẹ.

Một nguyên nhân quan trọng khác lý giải cho sự tồn tại của chế độ mẫu quyền là xuất phát từ “vai trò kinh tế trọng yếu của người phụ nữ trong thị tộc... Chính người phụ nữ lại trông nom con cái, nhà cửa và quản lý kinh tế thị tộc, phân phối thức ăn” [7, tr.38]. Vào thời kỳ đầu của công xã nguyên thủy, với trình độ thấp kém của lực lượng sản xuất, con người chưa tạo ra được một số của cải dư thừa đáng kể ngoài các chi phí thiết yếu để duy trì sức lao động. Con người thời đó chủ yếu chỉ trông trọt trên những mảnh vườn nhỏ hẹp trong giới hạn làng bản; khai thác chung là một công việc tư nhân của gia đình, và công cụ thời đại đồ đá không đòi hỏi

những nỗ lực cao. Xuất phát cả từ lý do kinh tế ấy, như lý giải của Simone de Beauvoir, công việc sản xuất lúc bấy giờ được giao cho phụ nữ. Kinh tế gia đình ngay từ khi hình thành cũng là công việc của họ như dệt thảm, dệt chăn, làm đồ gốm, v.v... Thông thường nữ giới chủ trì công việc trao đổi hàng hóa, thương mại. Nhờ họ mà cuộc sống của thị tộc được duy trì và phát triển. Con cái, gia súc, mùa màng, dụng cụ, tất cả sự phồn vinh của nhóm mà họ là linh hồn, đều phụ thuộc vào năng lực lao động của người phụ nữ. Bấy nhiêu quyền năng ấy khiến nam giới trong thời kỳ này vừa tôn kính vừa khiếp hãi, thể hiện rõ nét trong việc thờ phụng các nữ thần và tuân phục những người phụ nữ. Chính những điều đó đã hợp thành cơ sở hiện thực của quyền thống trị của người phụ nữ - “quyền thống trị phổ biến khắp mọi nơi trong thời nguyên thủy” [6, tr.83].

Tuy nhiên, lịch sử đã chứng minh thực tế là sự phát triển cao hơn của nền sản xuất xã hội ở thời đại đồ kim loại đã tạo ra những biến đổi nhất định trong xã hội và do đó cũng làm thay đổi đáng kể địa vị của người phụ nữ. “So với kinh tế chăn nuôi của đàn ông thì lúc này kinh tế gia đình của người phụ nữ trở nên kém quan trọng. Người đàn ông bắt đầu có nhận thức về sự mâu thuẫn giữa địa vị thấp kém của mình với công lao ngày càng lớn của mình trong gia đình và thị tộc..., nông nghiệp mỗi ngày một phát triển đòi hỏi sức lao động khỏe hơn, nhiều hơn... Dần dần đàn ông làm những công việc chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp, phụ nữ chỉ còn làm công việc gieo hạt, gặt hái và trông nom nhà cửa” [7, tr.51-52]. Chính việc nam giới đảm nhiệm những công việc lao động sản xuất chủ yếu, phụ nữ giữ vai trò thứ yếu trong sản xuất đã làm thay đổi quan hệ trong gia đình, đã làm cho phụ nữ lệ thuộc vào người đàn ông. Cơ cấu tổ chức xã hội dựa trên chế độ mẫu quyền tỏ ra không còn phù hợp với trình độ và phương thức sản xuất lúc bấy giờ, do đó cần thiết phải được thay thế bằng một cơ cấu tổ chức xã hội mới phù hợp hơn – cơ cấu tổ chức xã hội dựa trên chế độ phụ quyền.

Có thể nói rằng, sự chuyển biến từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền như trên không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên của lịch sử, mà như Marx từng viết, “nói chung, bước quá độ ấy hình như là bước tự nhiên [cũng là tất yếu - NVP] nhất” [dẫn theo: 6, tr.93](**). Có thể hiểu luận điểm của Marx theo nghĩa bước chuyển biến từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền diễn ra vào cuối thời kỳ cộng sản nguyên thủy là một tất yếu lịch sử gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất và do đó là của phân công lao động xã hội. Từ góc độ duy vật lịch sử, chúng tôi nghĩ rằng, “bước quá độ” mà Marx nói đến ở đây là giai đoạn tất yếu phải trải qua trên con đường hướng đến một giai đoạn phát triển cao của xã hội loài người trong đó nam giới và nữ giới đạt đến trạng thái bình đẳng theo nghĩa đầy đủ của từ này.

** Ở đây, có thể hiểu luận điểm này của Marx theo nghĩa bước chuyển biến từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền diễn ra vào cuối giai đoạn xã hội cộng sản nguyên thủy là một tất yếu lịch sử xuất phát từ sự phát triển của lực lượng sản xuất và do đó là của phân công lao động xã hội. Từ góc độ duy vật lịch sử, chúng tôi nghĩ rằng, “bước quá độ” mà Marx nói đến ở đây là giai đoạn tất yếu phải trải qua trên con đường chuyển biến sang một giai đoạn phát triển cao hơn của xã hội loài người, trong đó nam giới và nữ giới đạt đến trạng thái bình đẳng theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này.

Sự chuyển biến từ xã hội cộng sản nguyên thủy sang xã hội chiếm hữu nô lệ và sau đó là từ xã hội chiếm hữu nô lệ sang xã hội phong kiến là những bước tiến của lịch sử, là những “giai đoạn cụ thể” của “bước quá độ” mà Marx đã từng nói đến. Tuy nhiên, xuyên suốt thời kỳ chiếm hữu nô lệ và phong kiến ở phương Tây, địa vị xã hội của nữ giới hầu như ít có sự thay đổi so với trước đó. Người phụ nữ chủ yếu vẫn bị cột chặt trong khuôn khổ chật hẹp của gia đình cùng với địa vị phụ thuộc về mọi mặt vào những người đàn ông (của họ).

Tình cảnh của nữ giới ở phương Tây chỉ bắt đầu thay đổi thực sự khi xã hội chuyển sang thời đại của chủ nghĩa tư bản. Sự phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy trong lịch sử của phương thức sản xuất mới cùng với trình độ và quy mô xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất và của phân công lao động xã hội đã từng bước tạo ra những biến đổi tích cực về phương diện chính trị xã hội và pháp lý, và kết quả là đã làm thay đổi một cách căn bản mối quan hệ người, bao gồm cả mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới.

Về phương diện kinh tế - xã hội, cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX là thời kỳ chủ nghĩa tư bản ở phương Tây bắt đầu tăng tốc trong quá trình phát triển. Trong quá trình ấy, sức mạnh kinh tế vượt bậc của chủ nghĩa tư bản trở thành động lực to lớn thúc đẩy sự tiến triển của khoa học – kỹ thuật với tính cách là thành tố quan trọng của lực lượng sản xuất hiện đại, và đến lượt mình, những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật cũng tác động mạnh mẽ chưa từng có đến mọi phương diện của đời sống xã hội. Nói cách khác, chính sự hợp lực của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và khoa học – kỹ thuật đã tạo ra *cơ sở quan trọng* cho một sự thay đổi vị thế của nữ giới trong xã hội phương Tây. Điều đó thể hiện rõ nét ở những trắc diện chủ yếu sau:

Trước hết, tác động của khoa học – kỹ thuật như một loại virus xâm nhập vào từng “tế bào” của xã hội. Dự báo của các nhà xã hội học về sự chuyển biến cấu trúc của gia đình đang dần trở thành hiện thực. Điều đó đòi hỏi đã đến lúc phải định nghĩa lại vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Nếu như quan niệm truyền thống thường khắc họa phụ nữ là người nội trợ trong gia đình với “bổn phận” [phải] chăm sóc các thành viên, sinh sản và nuôi dạy con cái; thì trong thế kỷ XX, những chuyển biến nhanh chóng của điều kiện kinh tế và sự tác động của khoa học – kỹ thuật đã từng bước phá vỡ cấu trúc của những kiểu gia đình cũ (gia đình truyền thống, gia đình hạt nhân) để hình thành các gia đình kiểu mới với các đặc tính “điện tử” và “phi hạt nhân”. Không chỉ dừng lại ở gia đình, khoa học – kỹ thuật còn không ngừng thâm nhập và điện tử hóa hầu hết các thiết chế xã hội quan trọng khác như nhà nước, thị trường, công sở... Nói cách khác, sức mạnh kinh tế cùng với sự yểm trợ đắc lực của khoa học – kỹ thuật đã từng bước phá đổ bức tường kiên cố của gia đình để mở đường cho nữ giới bước ra “ánh sáng” (lĩnh vực công cộng).

Thứ hai, sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất hiện đại cùng với những thành tựu khoa học – kỹ thuật và công nghệ còn tác động mạnh mẽ đến việc *giảm tải sức lao động của con người*. Cổ nhiên, khoa học – kỹ thuật và công nghệ không thể thay thế con người, song nó lại có tác dụng rất lớn đối với việc giảm thiểu tiêu hao sức lực của con người trong lao động. Ở điểm này, cần nhớ lại phân tích của Friedrich Engels trong “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu*”

và của nhà nước” rằng, ưu thế về thể chất trong lao động chính là nguyên nhân căn bản để lý giải cho sự chuyển hóa quyền lực từ nữ giới sang nam giới trong gia đình và xã hội, đồng thời kéo theo sự chuyển đổi từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền trong lịch sử. Từ cách hiểu trên, có thể suy luận rằng, mỗi bước tiến của khoa học – kỹ thuật và công nghệ đồng nghĩa với việc ưu thế về thể chất của nam giới (so với nữ giới) trong lao động xã hội sẽ ngày càng suy giảm. Lúc này, những cơ sở của sự phân biệt đối xử về giới cũng trở nên lung lay hơn bao giờ hết.

Thứ ba, từ giữa thế kỷ XX, giới học thuật phương Tây bắt đầu nói nhiều đến sự thăng tiến theo cấp số nhân của xã hội hiện đại. Các nhà xã hội học đã dùng nhiều tên gọi khác nhau để mô tả xã hội đương thời như “xã hội hậu công nghiệp” (Daniel Bell), “xã hội thông tin” (John Nash), “xã hội hậu dịch vụ” (Benjamin Schulz), “chủ nghĩa tư bản khoa học – kỹ thuật” (Michel Beaud)... Trong các xã hội ấy, sự xâm nhập của các thành tựu khoa học kỹ thuật đã tạo ra những chuyển biến lớn về phân công lao động xã hội và cơ cấu ngành kinh tế, trong đó chứng kiến sự lên ngôi của “khu vực thứ ba”, tức là khu vực của những ngành dịch vụ [2, tr.433]. Đến lượt mình, sự chuyển biến đó đã có những tác động tích cực, làm thay đổi địa vị và vai trò của nữ giới trong xã hội hiện đại. Các nhà xã hội học dự báo đây là một trong những xu thế lớn của phương Tây và thế giới. Trong cuốn “Xu thế lớn của nữ giới”, hai học giả Mỹ John Naisbitt và Patricia Aburdene đã đưa ra nhận định về một sự trỗi dậy của nữ giới trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc các ngành dịch vụ ngày càng được xã hội chú trọng đã mở ra cho nữ giới một triển vọng xán lạn. Họ sẽ có nhiều cơ hội để phát huy cao nhất sở trường của giới mình trong các lĩnh vực dịch vụ như y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Điều đó sẽ tạo đà cho nữ giới phát triển và khẳng định vị thế trong đời sống chính trị, xã hội. Naisbitt và Aburdene còn lạc quan rằng, với những ưu thế về mặt kinh tế, nữ giới ngày càng vươn lên làm chủ cuộc sống của mình về mặt chính trị. Họ sẽ là những người giữ vai trò quan trọng trong quá trình thiết lập hòa bình và tham gia quản lý cộng đồng và lãnh đạo chính trị, đồng thời sẽ là một lực lượng trung kiên của văn hóa trong tương lai gần. Xuất phát từ vai trò và vị trí của mình, nữ giới sẽ góp phần tạo dựng nên hình ảnh con người hiện đại của kỷ nguyên “văn hóa nghỉ ngơi” (relaxed culture). Nữ giới còn đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề lớn như điều tiết dân số, bảo vệ môi trường sinh thái, xu thế biến đổi của hôn nhân gia đình và phương thức sinh con... Những dự báo trên không phải không có lý bởi lẽ sự chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế trong xã hội phương Tây với sự lên ngôi của “khu vực thứ ba” như đã nói ở trên đã mang lại những lợi thế không nhỏ cho nữ giới có thể tự khẳng định năng lực và thể mạnh của mình trong nỗ lực đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Có thể khẳng định rằng, sự phát triển nhanh chóng về trình độ của lực lượng sản xuất và quy mô của phân công lao động xã hội, cùng với sự tác động của khoa học – kỹ thuật và công nghệ đã làm biến đổi nhất định quan hệ sản xuất nói chung, và sự khu biệt giới trong lao động nói riêng. Nói cách khác, sự phát triển toàn diện của xã hội công nghiệp hậu kỳ ở Tây Âu và Bắc Mỹ trong thế kỷ XX, một mặt, đã tạo điều kiện và triển vọng to lớn cho nữ giới gỡ bỏ những rào cản (chính thức và không chính thức) để vươn lên khẳng định vai trò và ưu thế của giới mình trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Về phương diện văn hóa - chính trị và pháp lý, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp hiện đại, nữ giới là một trong những lực lượng được hưởng lợi. Họ dần thoát khỏi “cái bóng” của nam giới để vươn lên khẳng định tính độc lập kinh tế. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy họ phản tư về địa vị của giới mình trong văn hóa, chính trị và pháp lý.

Một trong những sự kiện về văn hóa - chính trị có tác động trực tiếp đến sự hình thành tư tưởng triết học nữ quyền phương Tây hiện đại đó là sự bùng phát mạnh mẽ của phong trào nữ quyền xuyên suốt thập niên 60 của thế kỷ XX. Mục tiêu chung của phong trào nữ quyền giai đoạn này không chỉ dừng lại ở những quyền căn bản của nữ giới, mà còn tiến xa hơn thế. Các nhà hoạt động nữ quyền đưa ra yêu sách về bình đẳng giới trong nhiều lĩnh vực xã hội, bao gồm cả bình đẳng về cơ hội nghiên cứu và phát triển tri thức. Họ không chỉ đòi hỏi vấn đề nữ giới phải được thừa nhận các quyền như nam giới, mà còn nỗ lực khẳng định phương thức thể nghiệm đặc trưng của giới mình về thế giới. Triết gia nữ quyền Luce Irigaray đã tuyên bố một cách đầy lạc quan rằng, đây chính là điểm khởi đầu của một thời đại mới – “thời đại của sự khác biệt” (Age of differences). Có lẽ, trong mắt của các nhà nữ quyền hiện đại, sự khác biệt quan trọng và đáng quan tâm nhất lúc này đó chính là sự khác biệt về phương thức trải nghiệm thế giới giữa nam và nữ. Điều này quy định triết học, cũng như các ngành học thuật khác, phải có nhiệm vụ làm nổi bật (highlight) sự khác biệt đó.

Một đặc điểm đáng chú ý của phong trào nữ quyền phương Tây trong giai đoạn này là nó không diễn ra một cách đơn độc mà hợp xướng với nhiều phong trào văn hóa đương thời khác để cùng nhau tạo nên một bản đồng ca thật huy hoàng trong lịch sử phương Tây đương đại. Trong cuốn “*Hãy mang chúng xuống đường*” (Takin’ it to the streets), hai tác giả A. Bloom và W. Breines đã lý giải rằng, phong trào nữ quyền cuối thập niên 60 không phải là một biến cố ngẫu nhiên của lịch sử, mà hình thành một cách tất yếu trong sự chuyển biến lớn lao về kinh tế và chính trị của xã hội phương Tây thời kỳ hậu chiến, cùng với thực tại sôi nổi của các phong trào dân sự, cánh tả mới, và sự đấu tranh của sinh viên. Bối cảnh văn hóa chính trị đó đã đóng vai trò như một “chất xúc tác” cho sự phát triển của nữ giới trong xã hội hiện đại.

Không khó để nhận thấy rằng, viễn tượng của các phong trào văn hóa (và phản văn hóa) giữa thế kỷ trước có giá trị thức tỉnh rất lớn đối với nữ giới. Họ bắt đầu đặt vấn đề tại sao mình phải tranh đấu cho quyền của những nhóm, những tập đoàn người khác trong khi bản thân lại đang bị áp bức và phân biệt đối xử. Do đó, cũng trong thời kỳ này đã xuất hiện phong trào “nâng cao nhận thức” (consciousness raising) diễn ra sôi nổi trong làn sóng thứ hai của chủ nghĩa nữ quyền phương Tây. Lời kêu gọi nâng cao nhận thức của nữ giới đã tác động khá mạnh mẽ đến các phong trào văn hóa hiện hành. Với chủ trương đầy tính thách thức “cá nhân là chính trị”, từng nhóm phụ nữ nhỏ đã gặp nhau để chia sẻ những điều mà cho đến nay họ vẫn xem như là sự thể nghiệm thuần túy có tính cá nhân. Thực tế ấy đã dẫn họ đến nhận thức chung rằng, sự áp bức đối với nữ giới không phải là tự nhiên, mà là sản phẩm của văn hóa được thể chế hóa lâu dài trong đời sống xã hội. Do đó, những người tham gia yêu cầu cần phải có một chiến lược nhằm biến đổi thực tại chính trị xã hội hiện hành. Cuộc vận động nâng cao nhận thức trong thập niên 1960 đã mang đến một sự thách thức lớn đối với khuôn mẫu giới truyền thống, đồng thời

góp phần dọn đường cho những phương thức suy tư đặc trưng của nữ giới có thể thâm nhập vào lĩnh vực tri thức nói chung, lĩnh vực triết học nói riêng. Suy rộng ra, phong trào chính là một động lực quan trọng thúc đẩy nữ giới nhận thức rõ hơn về những yếu tố định kiến giới đang tồn tại phổ biến trong mọi ngóc ngách trong đời sống xã hội.

Thực tiễn sôi nổi của phong trào nữ quyền giữa thế kỷ XX đã góp phần đem lại những thành quả quan trọng về pháp lý. Đến lượt mình, những thành quả pháp lý cũng phương tiện hữu hiệu để “hợp thức hóa” những nghiên cứu triết học nữ quyền. Có thể nói rằng, sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội phương Tây cùng với việc các quyền của phụ nữ được thừa nhận về chính trị và pháp lý đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để nữ giới tham gia một cách tích cực vào các lĩnh vực tri thức mà trong quá khứ họ chưa bao giờ nghĩ đến do bị trói buộc bởi “sợi dây vô hình” của phong tục tập quán và “sợi dây hữu hình” của chính trị - pháp lý. Giờ đây, “một nửa nhân loại” đã và đang làm cả thế giới phải kinh ngạc trước những đóng góp to lớn của giới mình vào sự phát triển của xã hội nói chung. Về điều này, trong “*Phụ nữ trong xã hội hiện đại*”, nhà nghiên cứu Rafael Patai đã khái quát bằng những dòng sau đây: “Trên khắp thế giới, phụ nữ đã có những bước tiến dài đến tự do, cũng như đã đạt được nhiều thành tựu về bình đẳng với nam giới cả bên trong lẫn bên ngoài gia đình, trong các lĩnh vực pháp lý, tính dục, xã hội, nghề nghiệp, kinh tế, chính trị, và văn hoá. [Lúc này] trật tự cũ vốn gắn chặt nữ giới vào gia đình trong tư cách là kẻ hầu luôn phục tùng người đàn ông của họ, đã và đang được thay thế bằng một trật tự mới trong đó nữ giới đảm nhận ngày càng nhiều vai trò khác nhau cả trong gia đình như là người vợ, người mẹ, người xây tổ ấm, và bên ngoài xã hội với tư cách là *đồng sự* của nam giới trên mọi lĩnh vực và nhiều loại hình công việc khác nhau” [3, tr.588].

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện của xã hội phương Tây từ giai đoạn công nghiệp hậu kỳ sang giai đoạn hậu công nghiệp đã tạo ra một bức tranh đầy màu sắc mà trên đó định hình những suy tư của thời đại. Trong bức tranh tổng thể đó, địa vị của phụ nữ và mối quan hệ giữa các giới đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng khả quan. Điều đó được phản ánh một cách chân thực trong những phân tư triết học. Nói như triết gia Đức Martin Heidegger, mỗi thời đại đều có những vấn đề cần phải được suy tư, thì có lẽ ngày nay, vấn đề nữ quyền chính là một trong những vấn đề ấy. Hơn nữa, nếu “triết học chính là thời đại đã phát triển đến trình độ tư tưởng” như cách nói của G.V.F. Hegel, thì ở đây và lúc này những suy tư về vấn đề nữ quyền ở *tâm vóc triết học* có thể được xem là “gam màu” đậm nhất trong bức tranh của tư tưởng nữ quyền phương Tây hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alcoff, L.M., Kittay E.F. (2007), *The Blackwell Guide to feminist philosophy*, U.K: Blackwell Publishing Ltd.
- [2]. Beaud, M. (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, bản dịch của Huyền Giang, Nxb Thế giới, Hà Nội.

- [3]. Bossen, L. (1975), "Women in modernizing societies", *American Ethnologist*, Vol.2, No.4, pp.587-601.
- [4]. Ann Ferguson. (1994) "Twenty years of feminist philosophy", *Hypatia*, Vol.9, No.3 (Summer), pp.197-215.
- [5]. Lý Lan. *Phê bình văn học nữ quyền*, www.tiasang.com.vn
- [6]. C.Mác, Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Chiêm Tế (2000), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Phạm Minh Thảo (2001), *Dự báo xu thế phụ nữ thế kỷ XXI*, Nxb Lao động, Hà Nội.

THE FORMATION OF CONTEMPORARY WESTERN FEMINIST PHILOSOPHIES FROM THE SOCIAL - HISTORICAL PERSPECTIVE

Nguyen Viet Phuong

Department of Philosophy, Hue University of Sciences

Email: phuongdhkh@gmail.com

ABSTRACT

Since the mid-twentieth century, the impact of great changes of social-economic and political condition in the West through which feminism has walked with vigorous stride on the field of philosophy. However, in Vietnam, studying Western contemporary feminist philosophies is still at the beginning. With intention to provide an initial approach to this matter, the article has focused on understanding the formation of contemporary feminist philosophies in the West from the social-historical perspective in order to elucidate the development of social history and the real context from which it arises.

Keywords: *Feminism, gender, philosophy.*